

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02 /2019/DS– ST

Ngày: 11/01/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HOÀ, TỈNH PHÚ YÊN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hồng Trà;
2. Bà Trần Thị Ngọc Điềm;

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Vĩnh Phúc – Thư ký Toà án.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Tuy Hoà, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 141/2018/TLST – DS ngày 15/8/2018 về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2018/QĐXXST – DS ngày 25/12/2018 giữa các đương sự:

1/Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Tú N –sinh năm 1976; Trú tại: đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2/Bị đơn: Bà Đinh Thị D – sinh năm 1971; Trú tại: Tổ 3, khu phố L, phường T, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Vắng mặt (đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 7 năm 2018 và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Tú N yêu cầu bà Đinh Thị D trả nợ vay số tiền gốc 670.000.000đ, tiền lãi trên nợ gốc 700.000.000đ từ ngày 21/02/2017 đến ngày

05/02/2018 và tiền lãi trên nợ gốc 670.000.000đ từ ngày 06/02/2018 cho đến ngày bà D trả hết nợ, lãi suất tính theo quy định của pháp luật.

-Bị đơn bà Đinh Thị D trình bày tại đơn trình bày và biên bản ghi lời khai ngày 21 tháng 11 năm 2018: có nợ bà Phạm Thị Tú N số tiền gốc 181.000.000đ từ năm 2015, trả lãi nhiều lần, đến năm 2017 không trả được lãi thì bị bà N ép buộc ghi giấy nhận nợ 700.000.000đ nên không chấp nhận trả nợ cho bà N.

Tại phiên tòa:

-Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt không trình bày.

-Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn, bị đơn được triệu tập hợp lệ và có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định pháp luật.

+ Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 468, Điều 470, Điều 357 của BLDS 2015. Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ về khoản vay tài sản, đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự qui định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hoà theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Yên và có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ các Điều 227, 228 của BLTDS năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2]Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp bản gốc Hợp đồng cho cá nhân vay tiền và Giấy hẹn nợ ngày 15/02/2017, bị đơn được tiếp cận chứng cứ và trình bày do nguyên đơn ép buộc nên bị đơn viết Giấy hẹn nợ ngày 15/02/2017, thực tế bị đơn chỉ nợ nguyên đơn 181.000.000đ gốc, tuy nhiên bị đơn không có tài liệu chứng minh việc mình bị ép buộc, do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, khoản 2 Điều 468, Điều 470, Điều 357 của BLDS

2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Đinh Thị D phải trả cho nguyên đơn Phạm Thị Tú N:

+Số tiền 670.000.000đ nợ gốc;

+Lãi tính trên nợ gốc 700.000.000đ từ ngày 22/02/2017 đến ngày 05/02/2018 theo lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng = 700.000.000đ x 0,83% x 11 tháng 11 ngày = 66.040.333đ.

+ Lãi tính trên nợ gốc 670.000.000đ từ ngày 06/02/2018 đến ngày 11/01/2019 theo lãi suất 10%/năm = 0,83%/tháng = 700.000.000đ x 0,83% x 11 tháng 05 ngày = 62.097.833đ.

Tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 798.138.166đ (Bảy trăm chín mươi tám triệu một trăm ba mươi tám ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng). Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả xong cho nguyên đơn số tiền trên thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS.

[3]Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 463, khoản 2 Điều 468, Điều 470, Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

[1]Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phạm Thị Tú N tại đơn khởi kiện ngày 12/7/2018, buộc bị đơn bà Đinh Thị D trả cho nguyên đơn bà Phạm Thị Tú N số tiền 798.138.166đ (*Bảy trăm chín mươi tám triệu một trăm ba mươi tám ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng*) (gốc 670.000.000đ, lãi 128.138.166đ) .

[2] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị đơn chưa trả xong cho nguyên đơn số tiền trên thì phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền tương ứng với thời gian chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS.

[3]Về án phí: Bị đơn bà Đinh Thị D phải chịu 35.925.526đ (*Ba mươi lăm triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn năm trăm hai mươi sáu đồng*) án phí dân sự sơ

thẩm. Bà Phạm Thị Tú Ny không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 10253 ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Tuy Hòa
- TAND tỉnh Phú Yên
- Các đương sự
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Hà